

Phụ lục I

DANH MỤC CÁC KHU VỰC ĐƯA RA KHỎI KẾ

HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

tháng

năm 2025

của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Loại khoáng sản	Tên mỏ, vị trí khu vực khai thác	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30' múi chiều 3° phù hợp với Quy hoạch khoáng sản và Quy hoạch sử dụng đất			Diện tích (ha)	Số hiệu bổ sung quy hoạch
			Điểm	X (m)	Y (m)		
		HUYỆN KRÔNG BÚK					
1	Đất san lấp	Thôn K'Ty, xã Chư KBô	1	1439746.8 1	470106.09	2	BS-DSL-7
			2	1439946.8 1	470106.09		
			3	1439946.8 1	470206.09		
			4	1439746.8 1	470206.09		
		HUYỆN EA KAR					
2	Đất san lấp	Thôn 23, xã Cư Ni	1	1407149.7 9	499254.17	2,48	BS-DSL-16
			2	1407196.0 6	499314.37		
			3	1407197.3 5	499378.99		
			4	1407212.0 6	499432.99		
			5	1407211. 07	499438.68		
			6	1407067.0 0	499464.00		
			7	1407051.0 0	499294.00		